

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024

Trường Đại học Kinh tế - Luật thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) như sau:

1. NGÀNH TUYỂN SINH VÀ CHỈ TIÊU DỰ KIẾN

STT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu dự kiến
1	Kinh tế học (Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công)	8310101	30
2	Kinh tế chính trị	8310102	25
3	Kinh tế quốc tế	8310106	30
4	Tài chính - Ngân hàng	8340201	55
5	Kế toán	8340301	25
6	Quản trị kinh doanh	8340101	50
7	Thương mại điện tử (dự kiến)	8340122	45
8	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103	60
9	Luật kinh tế	8380107	70

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Tổ chức đào tạo: Đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (trực tuyến tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo).

3. PHƯƠNG THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

3.1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển; xét tuyển kết hợp phỏng vấn và thi tuyển đối với môn Tiếng Anh.

3.2. Đối tượng dự tuyển: là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng điều kiện dự tuyển theo quy định.

3.3. Điều kiện dự tuyển: Căn cứ vào kết quả học tập bậc đại học và điều kiện ngoại ngữ, ứng viên đăng ký xét tuyển vào chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng. Cụ thể:

STT	Chương trình	Điều kiện dự tuyển
1	Định hướng nghiên cứu	- Tốt nghiệp ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển hoặc đã hoàn thành môn học bổ sung kiến thức theo quy định (Phụ lục II) và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục I. Học lực đạt loại khá trở lên hoặc đã tốt nghiệp đại học và có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu theo danh mục tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận tại Quyết định số 22/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2023. (http://hdgsnn.gov.vn/tin-tuc/quyet-dinh-so-22-qd-hdgsnn-phe-duyet-danh-muc-tap-chi-khoa-hoc-duoc-tinh-diem-nam-2023_729)
2	Định hướng ứng dụng	- Tốt nghiệp ngành phù hợp (phụ lục II) với ngành đăng ký xét tuyển và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại phụ lục I.

3.3.1. Điều kiện phương thức xét tuyển thẳng:

Người dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển thẳng và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục I, gồm một trong những đối tượng sau:

- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10);
- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành;
- Người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên (giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước).

* Thời gian tốt nghiệp đại học tối đa tính từ ngày tốt nghiệp đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng: không giới hạn.

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ

3.3.2. Điều kiện phương thức xét tuyển:

- Người dự tuyển là người đã tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển hoặc đã hoàn thành yêu cầu học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển đối với các ngành khác theo quy định và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục I;

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn.

3.3.3. Điều kiện xét tuyển có dự thi môn Tiếng Anh:

Các đối tượng không thuộc trường hợp tuyển thẳng và xét tuyển, có bằng đại học hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) thuộc ngành phù hợp, hoặc đã hoàn thành yêu cầu học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển đối với các ngành khác theo quy định có nhu cầu tham gia đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn; và chưa đạt điều kiện về năng lực ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục I.

Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn, kết hợp tổ chức thi Tiếng Anh được quy định tại Phụ lục II.

Lưu ý:

Các văn bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Trung tâm công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 0243 868 4996

Email: cnvb@moet.edu.vn; Website: <https://naric.edu.vn>

4. ĐỐI TƯỢNG, CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

4.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Chính sách ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả 10% trên tổng điểm môn thi Tiếng Anh và điểm xét tuyển.

5. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH DỰ KIẾN

STT	Nội dung	Thời gian
1	Phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh trực tuyến	Đến hết ngày 31/5
2	Thời gian học bổ sung kiến thức	6/2024
3	Thời gian ôn thi môn Tiếng Anh	10/6 – 15/7/2024
4	Hướng dẫn nội dung chuẩn bị phỏng vấn	01/7 – 05/7/2024
5	Thí sinh nhận giấy báo dự tuyển trực tuyến	08/7/2024
6	Phỏng vấn	20/7/2024
7	Thi môn Tiếng Anh	21/7/2024
8	Công bố kết quả tuyển sinh và quyết định trúng tuyển	8/2024
9	Thí sinh thực hiện thủ tục nhập học và nhận giấy báo công nhận trúng tuyển	8/2024
10	Quyết định công nhận học viên (dự kiến)	9/2024

6. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ LIÊN QUAN

Đối tượng	Phí xét tuyển	Thi tiếng Anh	Ôn thi tiếng Anh	Tổng cộng
- Tuyển thẳng - Xét tuyển miễn ngoại ngữ	300.000	-	-	300.000
Xét tuyển dự thi tiếng Anh	300.000	500.000	-	800.000
Xét tuyển dự thi tiếng Anh, có ôn thi tiếng Anh	300.000	500.000	1.980.000	2.780.000

- Bổ sung kiến thức: 560.000 đồng/tín chỉ (mỗi môn 2 tín chỉ)

- Lệ phí phúc khảo: 200.000 đồng/thí sinh (đối với môn tiếng Anh)

Mức thu học phí đào tạo dự kiến

STT	Ngành/ Chuyên ngành	Năm học 2024 – 2025	Năm học 2025 – 2026
1	Kinh tế học	33.500.000đ	37.000.000đ
2	Kinh tế chính trị		
3	Kinh tế và Quản lý công		
4	Kinh tế quốc tế		
5	Quản trị kinh doanh		
6	Tài chính – Ngân hàng		
7	Kế toán		
8	Luật kinh tế	37.500.000đ	41.000.000đ
9	Luật dân sự và tổ tụng dân sự		

*Mức thu học phí trần hạn:

Nhóm ngành Khoa học xã hội và hành vi và nhóm ngành Kinh doanh và quản lý: 1.542.000đ/tháng

Nhóm ngành Luật và các ngành/chuyên ngành tuyển sinh tại địa phương: 1.708.000đ/tháng

7. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, BỔ SUNG KIẾN THỨC (Phụ lục II)**8. DANH MỤC HỒ SƠ DỰ TUYỂN (*)**

STT	Danh mục hồ sơ dự tuyển	Ghi chú
1	Phiếu đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (Phụ lục III) Khai báo trực tuyến tại: http://dkxtsdh.uel.edu.vn	Khai báo trực tuyến (*)
2	Bằng tốt nghiệp đại học (bản sao có công chứng)	Đăng tải hồ sơ
3	Bảng điểm đại học (bản sao có công chứng)	Đăng tải hồ sơ
4	Mình chứng các giải thưởng khoa học và bài báo công bố của thí sinh có liên quan đến ngành/chuyên ngành dự tuyển (bản sao có công chứng đối với giải thưởng khoa học; trang bìa tạp chí, trang mục lục và các trang toàn bài đối với bài báo) (nếu có)	Đăng tải hồ sơ
5	Mình chứng về văn bằng, chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (nếu có)	Đăng tải hồ sơ
6	File mềm ảnh 4x6, rõ nét, chụp trong thời gian không quá 06 tháng theo chuẩn passport	Đăng tải hồ sơ
7	CMND/CCCD	Đăng tải hồ sơ
8	Mình chứng đối tượng ưu tiên (nếu có)	Đăng tải hồ sơ
9	Mình chứng đóng phí	Đăng tải hồ sơ
(*) Người dự tuyển cam kết chịu trách nhiệm đối với hồ sơ khai báo trực tuyến trên hệ thống và nộp bản cứng sau khi trúng tuyển theo đúng quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật. Trường không hoàn trả khoản thu dịch vụ tuyển sinh, lệ phí xét tuyển liên quan đến hồ sơ xét tuyển không hợp lệ hoặc không đầy đủ theo quy định.		

9. ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669, Quốc lộ 1, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

10. ĐỊA ĐIỂM HỌC

Địa điểm 1: Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669, Quốc lộ 1, phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Địa điểm 2: Trường Chính sách công và Phát triển Nông thôn, số 45, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

11. THÔNG TIN LIÊN HỆ

- Phòng Sau đại học và Khoa học công nghệ (Phòng A.205), Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669 Quốc lộ 1, Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Văn phòng Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 45, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại tư vấn tuyển sinh: **028 88899909**.
- Website: **<https://psdh.uel.edu.vn>**

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Các Khoa đào tạo sau đại học (để th/t);
- Phòng Tài chính, Truyền thông (để ph/h);
- Đăng tải trên website (để th/t);
- Lưu: VT, P.SĐH&KH-CN (HA,5).

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

PHỤ LỤC I
VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN TRÌNH ĐỘ B1 VÀ B2

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-ĐHQG ngày 06 /01/ 2023 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Công văn số 2251/ĐHQG-ĐT ngày 09/11/2022 về việc sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

Chứng chỉ được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ và tiến sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chứng chỉ hoặc chứng nhận có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

Trình độ thạc sĩ: Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

Trình độ tiến sĩ: Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào tối thiểu đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B2 theo CEFR).

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam như sau:

1. Tiếng Anh

1.1. Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam	IELTS (BC, IDP, Cambridge ESOL)	TOEFL (ETS)	TOEIC (4 kĩ năng) (ETS)	Cambridge Exam (Cambridge ESOL)	Aptis (BC)
Bậc 3 chuẩn dự tuyển	4.5	460 ITP 40 iBT	Reading 275-384 Listening 275-399 Speaking 120-159 Writing 120-149	A2 Key 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary 40 B2 Business Vantage: 140	B1 (General)
Bậc 4 chuẩn tốt nghiệp	5.5	46 iBT	Reading 384-454 Listening 400-489 Speaking 160-179 Writing 150-179	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)

Cơ sở tổ chức thi và cấp chứng chỉ: căn cứ theo Điều 5, Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/07/20222 danh sách các đơn vị được phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo thông báo số 1098/TB-QLCL ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Cục Quản lý chất lượng Bộ GD-ĐT danh sách các đơn vị cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ

TT	Tên đơn vị	TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn (ĐHQG-HCM)	16	Đại học Thái Nguyên
2	Trường Đại học Sư phạm TP HCM	17	Trường Đại học Vinh
3	Trường Đại học Ngân hàng TP HCM	18	Trường Đại học Quy Nhơn
4	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	19	Trường Đại học Tây Nguyên
5	Trường Đại Học Văn Lang	20	Trường Đại học Cần Thơ
6	Trường Đại học Sài Gòn	21	Trường Đại học Trà Vinh
7	Trường Đại học Công thương TP.HCM	22	Học viện An ninh Nhân dân
8	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	23	Học viện Khoa học Quân sự
9	Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHQG Hà Nội)	24	Học viện Báo chí Tuyên truyền
10	Trường Đại học Hà Nội	25	Học viện Cảnh sát nhân dân
11	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	26	Trường Đại học Nam Cần Thơ
12	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	27	Trường Đại học Ngoại thương
13	Trường Đại học Thương mại	28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
14	Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Huế)	29	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
15	Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Đà Nẵng)	30	Trường Đại học Lạc Hồng

Mẫu chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 5023/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ

26 cm

Mặt sau

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

CERTIFICATE OF PROFICIENCY

IN(1)
Level:(2)
.....(3)

This is to certify that

Full name(4).....
Date of birth(5).....
Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam
Date of Exam(6).....
Overall Score(7).....

Listening:(8).....
Speaking:(8).....

Decision number:(11).....
Certificate number:(12).....
Reference number:(13).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

Ngôn ngữ:(1)
Bậc:(2)
.....(3)

Cấp cho

Họ và tên(4).....
Ngày sinh(5).....
Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
Ngày thi(6).....
Điểm thi(7).....

Nghe:(8).....
Đọc:(8).....
Viết:(8).....
.....(9).....
(9)..... ngày tháng năm
(Ngày đăng dấu)(10).....

Số Quyết định:(11).....
Số báo:(12).....
Số vào sổ cấp chứng chỉ:(13).....

26 cm

2. Một số ngoại ngữ khác

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 3 chuẩn dự tuyển	TPKI-1	DEL F B1 TCF B1	Goethe-Zertifikat B1, TELC Deutsch B1, DSD I, ÖSD -Zertifikat B1, TestDaF-TDN3, ECL B1	HSK Bậc 3	JLPT N4 NAT-TEST 3Q J-TEST (400)	TOPIK II (Bậc 3)
Bậc 4 chuẩn tốt nghiệp	TPKI-2	DEL F B2 TCF B2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm) ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4, ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N3 NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

Cơ sở tổ chức thi và cấp chứng chỉ: căn cứ theo Điều 5, Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/07/20222 danh sách các đơn vị được phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ khác

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn thi ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/đồ án/khóa luận) được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc ĐHQG-HCM công nhận.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có). Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ”.

4. Tham gia kỳ thi ngoại ngữ

Nếu không có các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận nêu trên, thí sinh phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Kinh tế - Luật tổ chức trong các đợt tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ hàng năm.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP

Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, danh mục ngành phù hợp

Các quy định khác theo quy chế tổ chức và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Ngành tuyển sinh	Ngành phù hợp
- Kinh tế học - Kinh tế chính trị - Kinh tế và Quản lý công - Kinh tế quốc tế - Tài chính – Ngân hàng - Kế toán - Quản trị kinh doanh	Mã ngành 731: Khoa học xã hội và hành vi 73101 Kinh tế học 7310101 Kinh tế 7310102 Kinh tế chính trị 7310104 Kinh tế đầu tư 7310105 Kinh tế phát triển 7310106 Kinh tế quốc tế 7310107 Thống kê kinh tế 7310108 Toán kinh tế 7310109 Kinh tế số Mã ngành 734: Kinh doanh và quản lý 73401 Kinh doanh 7340101 Quản trị kinh doanh 7340115 Marketing 7340116 Bất động sản 7340120 Kinh doanh quốc tế 7340121 Kinh doanh thương mại 7340122 Thương mại điện tử 7340123 Kinh doanh thời trang và dệt may 73402 Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm 7340201 Tài chính - Ngân hàng 7340204 Bảo hiểm 7340205 Công nghệ tài chính 73403 Kế toán - Kiểm toán 7340301 Kế toán 7340302 Kiểm toán 73404 Quản trị - Quản lý 7340401 Khoa học quản lý 7340403 Quản lý công 7340404 Quản trị nhân lực 7340405 Hệ thống thông tin quản lý 7340406 Quản trị văn phòng 7340408 Quan hệ lao động 7340409 Quản lý dự án
- Luật Kinh tế - Luật Dân sự và tố tụng dân sự	Ngành phù hợp lĩnh vực luật Mã ngành 738: Pháp luật 73801 Luật 7380101 Luật 7380102 Luật hiến pháp và luật hành chính 7380103 Luật dân sự và tố tụng dân sự 7380104 Luật hình sự và tố tụng hình sự 7380107 Luật kinh tế 7380108 Luật quốc tế

DANH MỤC NGÀNH CẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

Người dự tuyển thuộc trường hợp cần học cần học bổ sung kiến thức sẽ tham gia học ba môn: Kinh tế vi mô (2TC), Kinh tế vĩ mô (2TC), Quản trị học (2TC).

Người dự tuyển đã học môn học bổ sung kiến thức ở đại học có số tín chỉ từ bằng hoặc lớn hơn và điểm thi đạt từ 5,00 trở lên (theo thang điểm 10) thì được miễn học bổ sung kiến thức môn học đó.

Ngành tuyển sinh	Ngành cần học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển
- Kinh tế học - Kinh tế chính trị - Kinh tế và Quản lý công - Kinh tế quốc tế	73102 Khoa học chính trị 7310201 Chính trị học 7310202 Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước 7310205 Quản lý nhà nước 7310206 Quan hệ quốc tế 73103 Xã hội học và Nhân học 7310301 Xã hội học 7310302 Nhân học 73104 Tâm lý học 7310401 Tâm lý học 7310403 Tâm lý học giáo dục 73105 Địa lý học 7310501 Địa lý học 73106 Khu vực học 7310601 Quốc tế học 7310602 Châu Á học 7310607 Thái Bình Dương học 7310608 Đông phương học 7310612 Trung Quốc học 7310613 Nhật Bản học 7310614 Hàn Quốc học 7310620 Đông Nam Á học 7310630 Việt Nam học
- Quản trị kinh doanh	73102 Khoa học chính trị 7310201 Chính trị học 7310202 Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước 7310205 Quản lý nhà nước 7310206 Quan hệ quốc tế 73103 Xã hội học và Nhân học 7310301 Xã hội học 7310302 Nhân học 73104 Tâm lý học 7310401 Tâm lý học 7310403 Tâm lý học giáo dục 73105 Địa lý học 7310501 Địa lý học 73106 Khu vực học 7310601 Quốc tế học 7310602 Châu Á học 7310607 Thái Bình Dương học 7310608 Đông phương học 7310612 Trung Quốc học 7310613 Nhật Bản học 7310614 Hàn Quốc học 7310620 Đông Nam Á học 7310630 Việt Nam học Và các trường hợp có bằng Cử nhân đại học, Kỹ sư chuyên ngành của tất cả các khối ngành học liên quan đến Quản trị kinh doanh như: Khoa học cơ bản, Khoa học tự nhiên, Khoa học kỹ thuật, Khoa học Xã hội và Nhân văn hoặc Kinh tế học, Luật học. Tên và mã các ngành đảm bảo thực hiện theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT.

PHỤ LỤC III
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----//----

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh

I. Thông tin cá nhân

Tôi tên là:
Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:
Tôn giáo: Giới tính:
CCCD/CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
Quốc tịch: Dân tộc:
Địa chỉ liên lạc:
Số điện thoại: Email:
Nghề nghiệp:
Cơ quan công tác:
Đối tượng ưu tiên:

II. Quá trình đào tạo đại học

Tốt nghiệp Trường/Viện:
Ngành học:
Loại hình đào tạo (Chính quy, Chuyên tu, Tại chức, Mở rộng):
Thời gian đào tạo: Từ đến:
Điểm trung bình tích lũy theo thang điểm 10:
Xếp hạng tốt nghiệp: (xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá, trung bình):
Nơi cấp, thời gian cấp:
Bài báo khoa học, đề tài NCKH, giải thưởng khoa học các cấp, tham gia các hội nghị khoa học quốc tế
(nếu có):
.....

III. Thông tin chuyên ngành đăng ký

(Theo quy định, ứng viên phải tốt nghiệp hoặc công nhận tốt nghiệp đại học, trình độ tương đương trở lên các ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạn tốt nghiệp từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu)

Đăng ký dự tuyển ngành/ chuyên ngành:

Chương trình định hướng: ☐ Nghiên cứu ☐ Ứng dụng

(lưu ý: người dự tuyển điền thông tin giống như đã đăng ký tại trang đăng ký online)

Đăng ký xét tuyển theo nhóm hồ sơ:

Đối tượng	Đánh dấu X vào đối tượng phù hợp
Tuyển thẳng (Đã đạt yêu cầu miễn ngoại ngữ và đạt 1 trong các điều kiện dưới đây)	
<i>Tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy loại giỏi có điểm trung bình tích lũy từ 8.0 trở lên (theo thang điểm 10)</i>	
<i>Tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học chính quy là thủ khoa của ngành</i>	
<i>Tốt nghiệp hoặc có quyết định công nhận tốt nghiệp trình độ đại học đạt giải nhất, nhì, ba các kỳ thi Olympic sinh viên (giải thưởng sinh viên nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giải thưởng Eureka và các giải thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức ở trong nước và ngoài nước)</i>	
Xét tuyển miễn ngoại ngữ: Tốt nghiệp ngành phù hợp và đạt yêu cầu về ngoại ngữ (Chọn ô phù hợp)	
<i>Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.</i>	
<i>Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.</i>	
<i>Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài (gồm các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành; kiến thức chuyên ngành; kiến thức bổ trợ và luận văn/ đồ án/ khóa luận) được BGD&ĐT hoặc ĐHQG-HCM công nhận</i>	
<i>Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các CSĐT cấp trong thời gian không quá 2 năm có chuẩn đầu ra về ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để dự tuyển CTĐT thạc sĩ;</i>	
<i>Là công dân nước ngoài có trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.</i>	
<i>Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT.</i>	
Xét tuyển dự thi tiếng Anh: Tốt nghiệp ngành phù hợp và chưa đạt yêu cầu về ngoại ngữ	

Tôi cam đoan các thông tin cung cấp trong hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật. Tôi xin cam kết về mặt pháp lý đối với các bằng cấp, chứng chỉ liên quan trong quá trình xét tuyển. Trường hợp có sai phạm trong hồ sơ, các bằng cấp/ chứng chỉ không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Trường Đại học Kinh tế - Luật có quyền hủy bỏ kết quả tuyển sinh của tôi.

....., Ngày tháng. năm 202...

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)